

Biểu số 03. Diện tích đất cần thu hồi trong kỳ Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất

(Kèm theo Quyết định số 159 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

[illegible]

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
				Thị trấn Đắk Tô	Xã Diên Bình	Xã Đắk Rơ Nga	Xã Đắk Trăm	Xã Kon Đào	Xã Ngọc Tú	Xã Pô Kô	Xã Tân Cảnh	Xã Văn Lem
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(9)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2.5	Đất an ninh	CAN										
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	12,07	1,25	1,08	0,15	0,60	6,62	0,67	0,16	1,14	0,40
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,11	0,55	0,47		0,46	0,37	0,19			0,07
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH										
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,06				0,03	0,03				
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	7,95	0,70	0,15		0,09	5,26	0,48	0,03	1,14	0,10
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	1,95		0,46	0,15	0,02	0,96		0,13		0,23
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH										
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT										
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT										
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG										
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK										
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	2,75	0,75	2,00							
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK										
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN										
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT										
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,15	0,15								
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,60	0,60								
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	2,00		2,00							
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	27,44	3,97	11,78	5,97	2,22	0,12	0,10	0,42	1,88	0,98
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	14,75	3,59	1,60	5,97	0,86	0,07	0,10	0,35	1,23	0,98
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	1,12				0,35	0,05		0,07	0,65	

[illegible]